

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-PT

Ngày 07-01-2021

V/v tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Minh

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

Bà Phạm Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2020/TLDS-HNGĐ ngày 27/10/2020 về việc “Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”. Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 16/2020/HNGĐ-ST ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2186/2020/QĐ-PT ngày 21/12/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1982.

Địa chỉ: đường N, khu dân cư P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T1 cùng là Luật sư Công ty Luật TNHH Địa ốc ngân hàng, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

- Bị đơn: Ông C, sinh năm 1981.

Địa chỉ: đường Chung C, xã W, huyện Taichung, Đài Loan. Địa chỉ tạm trú: đường N, khu công nghiệp M, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lâm Phú X là Luật sư của Văn phòng luật sư Phú Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Dương. (có mặt).

Người phiên dịch: Bà Phan Ái T1 là Cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ và bị đơn ông C tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 28 tháng 02 năm 2007, số vào sổ đăng ký kết hôn 48, quyển số 01 ngày 06 tháng 3 năm 2007. Sau khi kết hôn, bà Đ và ông C sống và làm việc tại Việt Nam. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có một con chung tên Chang Cheng Y, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2007. Về sau vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân. Bà Đ về sống với cha mẹ bà Đ tại số đường N, khu dân cư P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; còn ông C sống tại đường N, Khu công nghiệp M, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, bà Đ khởi kiện ly hôn ông C.

Bà Đ và ông C có một con chung tên Chang Cheng Y, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2007, từ nhỏ con chung do bà Đ chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng đến năm 2012, ông C tự ý bắt cóc cháu Chang Cheng Y sang Đài Loan, từ đó đến nay thì bà Đ không được gặp con. Do vậy, khi ly hôn, bà Đ yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn phản tố ngày 14 tháng 01 năm 2020, bản tự khai ngày 14/01/2020 và Biên bản hòa giải ngày 16/6/2020, bị đơn ông C trình bày:

Ông C thống nhất lời trình bày của bà Đ về thời gian kết hôn, thời gian không sống chung và về con chung. Trước yêu cầu ly hôn của bà Đ, ông C đồng ý. Về con chung: Ông C yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Chang Cheng Y, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2007 và không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay cháu Chang Cheng Y đang học tập ổn định tại Đài Loan, kết quả học tập của cháu Chang Cheng Y rất tốt (thể hiện qua một số giấy khen ông C đã cung cấp cho Tòa án); đồng thời cháu Chang Cheng Y đã có bản tường trình gửi cho Tòa án là có nguyện vọng được sống với ông C và không thể về Việt Nam để trình bày ý kiến, nguyện vọng trước Tòa theo yêu cầu của bà Đ.

Về tài sản chung: Ông C giữ nguyên yêu cầu phản tố yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng hình thành trong thời kỳ hôn nhân là diện tích đất 931,5m² tại Khu tái định cư Mỹ Phước III, huyện (nay là thị xã) Bến Cát, tỉnh Bình Dương, thuộc ô 13, lô L52, tờ bản đồ số 1, Khu tái định cư Mỹ Phước III, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 205342, số vào sổ H 006529 do Ủy ban nhân huyện (nay là thị xã) Bến Cát cấp ngày 18 tháng 10 năm 2007 cho hộ bà Nguyễn Thị Đ; ông C yêu cầu chia đôi diện tích đất này, bà Đ nhận hiện vật và ông C nhận 50% giá trị quyền sử dụng đất. Vì diện tích đất tranh chấp nêu trên là do cha ruột của ông C cho vợ chồng tiền để nhận chuyển nhượng đất. Do ông C là người nước ngoài nên không thể đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ, do đó, để bà Đ đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ của vợ chồng.

Ông C đồng ý giá đất do Hội đồng định giá ngày 20 tháng 5 năm 2020.

Tại bản tuyên bố ngày 07 tháng 6 năm 2020, cháu Chang Cheng Yin trình bày (đã được người phiên dịch bà Phan Ái T dịch lại nội dung): Cháu Chang Cheng Y, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2007 là con chung của ông C và bà Nguyễn Thị Đ. Hiện tại cháu Chang Cheng Y đang sinh sống và học tập tại Đài Loan, cháu Chang Cheng Y không biết gì về Việt Nam và có nguyện vọng được sinh sống và học tập tại Đài Loan cùng với ông C, ông nội và bà nội của cháu Chang Cheng Y.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn và nuôi con. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố nên đề nghị Hội đồng xét xử thay đổi địa vị tố tụng của đương sự. Về chia tài sản chung: Diện tích đất 931,5m² tại Khu tái định cư Mỹ Phước III, huyện (nay là thị xã) Bến Cát, tỉnh Bình Dương, thuộc ô 13, lô L52, tờ bản đồ số 1, Khu tái định cư Mỹ Phước III theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 205342, số vào sổ H 006529 do Ủy ban nhân huyện (nay là thị xã) Bến Cát cấp ngày 18 tháng 10 năm 2007 cho hộ bà Nguyễn Thị Đ mà ông C yêu cầu chia đôi và nhận bằng giá trị là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông C.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định:

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ đối với bị đơn ông C về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.
2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông C đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ về việc tranh chấp tài sản chung.

Giao cho bà Nguyễn Thị Đ được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt quyền sử dụng đất diện tích 931,5m² tại Khu tái định cư Mỹ Phước III, huyện (nay là thị xã) Bến Cát, tỉnh Bình Dương, thuộc ô 13, lô L52, tờ bản đồ số 1, Khu tái định cư Mỹ Phước III theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 205342, số vào sổ H 006529 do Ủy ban nhân huyện (nay là thị xã) Bến Cát cấp ngày 18 tháng 10 năm 2007 cho hộ bà Nguyễn Thị Đ. (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm thanh toán cho ông C 50% trị giá quyền sử dụng đất số tiền 3.468.000.000 đồng (ba tỷ bốn trăm sáu mươi tám triệu đồng).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, tiền án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/8/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà Đ yêu cầu được ly hôn, dành quyền nuôi con chung, không đồng ý chia tài sản khi ly hôn. Yêu cầu đền bù tổn thất tinh thần do hụt hẫng khi ông C đưa con chung về Đài Loan từ 2012 đến nay.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn – Luật sư Lâm Phú X trình bày: Bà Đ có mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án việc, bà có đơn xin hoãn phiên tòa sơ thẩm nhưng không có chứng cứ chứng minh nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà là đúng quy định. Tài sản là quyền sử dụng đất được hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên bị đơn yêu cầu chia là đúng, vì ông C là người nước ngoài nên không được cấp GCN QSDĐ nên dù bà Đ đứng tên nhưng là tài sản chung của vợ chồng. Ông C đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với bà Đ. Bản án sơ thẩm đã đảm bảo được quyền lợi của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn đúng hạn, đề nghị được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Về nội dung: Ông C có yêu cầu Tòa án giải quyết 3 mối quan hệ: nhân thân, tài sản và con cái. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản của ông C mà không giải quyết quan hệ hôn nhân và con cái là giải quyết không triệt để vụ án, không đúng với nội dung yêu cầu của ông C. Khi giải quyết yêu cầu chia tài sản của ông C, Tòa án cấp sơ thẩm đã không đưa những người có liên quan là cha, mẹ của bà Đ, cha của ông C và người chuyển nhượng đất là ông V vào tham gia tố tụng, lấy lời khai để làm rõ nguồn gốc đất mà quyết định chấp nhận yêu cầu của ông C là vi phạm tố

tụng, gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Đ. Về con chung, trẻ trên 7 tuổi phải được lấy ý kiến một cách hợp pháp, nhưng tại cấp sơ thẩm lại giải quyết con chung giao cho bị đơn là chưa đủ căn cứ pháp luật. Những vi phạm nói trên của tòa án cấp sơ thẩm là nghiêm trọng, không thể khắc phục được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý để xét xử lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định nên đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông C, yêu cầu được nuôi con là Chang Cheng Y; bị đơn C có yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết: đồng ý với yêu cầu ly hôn, nhưng đòi được quyền nuôi con và chia tài sản chung giữa ông và bà Đ là diện tích đất 931,5m² tại Khu tái định cư Mỹ Phước III, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, thuộc ô 13, lô L52, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 205342.

Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định “Xét thấy, nguyên đơn bà Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa thì bị coi là từ bỏ việc khởi kiện”. Do đó, đã căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 227 và điểm c, khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Đ về ly hôn và nuôi con. Tại phiên tòa, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, chia tài sản và nuôi con nên Tòa án cấp sơ thẩm thay đổi địa vị tố tụng của ông C thành nguyên đơn, bà Đ thành bị đơn theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 217 Bộ luật tố tụng Dân sự. Từ đó đã tuyên xử “Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông C đối với nguyên đơn là Nguyễn Thị Đ về việc tranh chấp tài sản chung” là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Cụ thể là:

- Ông C đã thay đổi địa vị tố tụng là nguyên đơn, có yêu cầu Tòa án giải quyết 3 mối quan hệ: nhân thân, tài sản và con cái. Nên vì vậy, khi giải quyết thì Tòa án cấp sơ thẩm phải giải quyết luôn yêu cầu của ông C là “đồng ý ly hôn với nguyên đơn, xem xét yêu cầu được nuôi con là cháu Y”, thế nhưng chỉ tuyên xử phần tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, mà không giải quyết quan hệ hôn nhân và con cái là giải quyết không triệt để vụ án, không đúng với nội dung khởi kiện (Tòa án cấp sơ thẩm cho là yêu cầu phản tố) của nguyên đơn là ông C.

- Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm chia tài sản chung là phần đất có diện tích 931,5m² tại Khu tái định cư Mỹ Phước III, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, thuộc ô 13, lô L52, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 205342. Theo đơn khởi kiện, lời khai của bà Đ là tài sản riêng của mình, do cha mẹ ruột bỏ tiền ra mua, còn ông C có lời khai đất này là do cha ruột của mình cho vợ chồng tiền để nhận chuyển nhượng đất từ ông Trần Quang V, giao cho bà Đ đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi giải quyết yêu cầu của ông C, Tòa án cấp sơ thẩm đã không đưa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cha, mẹ của bà Đ, cha của ông C và người chuyển nhượng đất là ông V vào tham gia tố tụng, lấy lời khai để làm rõ nguồn gốc mà quyết định chấp nhận yêu cầu của ông C là vi phạm tố tụng, gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Đ.

Bên cạnh đó, khi giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm về yêu cầu nuôi con, Tòa án cấp sơ thẩm cần kiểm tra đánh giá chứng cứ, sử dụng Tờ tường trình của cháu Y (viết bằng chữ Hán) và bản dịch viết tay không có chứng thực, không có hợp pháp hóa lãnh sự là Văn phòng văn hóa tại Đài Bắc (Taiwan), mà cần thiết phải có sự có mặt của cháu Y, các tài liệu phải được hợp pháp hóa lãnh sự, các dữ liệu điện tử khác về mong muốn của cháu để từ đó quyết định việc quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu.

Những vi phạm nói trên của tòa án cấp sơ thẩm là nghiêm trọng, không thể khắc phục được. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm nhập chung với hồ sơ xin ly hôn của ông C đã được thụ lý để xét xử lại theo thủ tục chung. Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Các chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi thụ lý lại vụ án.

[4] **Về án phí:** Do bản án sơ thẩm bị hủy, nên bà Nguyễn Thị Đ, ông C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ. Hủy toàn bộ Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 16/2020/HNGĐ-ST ngày 20/7/2020 của

Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý, xét xử lại theo thủ tục chung.

2/. Về chi phí tố tụng khác và án phí sơ thẩm sẽ được giải quyết khi xét xử sơ thẩm.

3/. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn không phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0044694 ngày 14/8/2020 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự (2);
- Lưu: hồ sơ (2), VP (5), 14b (LTTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Minh